

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 276 /UBND-TH
V/v khảo sát nguồn kinh phí đầu
tư trên địa bàn thuộc các Chương
trình MTQG

Triệu Phong, ngày 06 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện.

UBND huyện nhận được Công văn số 23/VPĐP-NV ngày 04/02/2020 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh về việc khảo sát nguồn kinh phí đầu tư trên địa bàn thuộc các Chương trình MTQG (*sao gửi kèm theo*), UBND huyện có ý kiến như sau:

Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan rà soát, thống kê các chương trình/dự án và kinh phí thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện theo đúng nội dung yêu cầu của Công văn trên.

Trình UBND huyện xem xét để gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh trước ngày 15/02/2020./x

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT;
- CPVP, CV_{NA};
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quang Giải

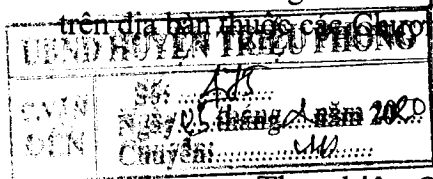
BCĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /VPĐP-NV

Quảng Trị, ngày 04 tháng 02 năm 2020

V/v khảo sát nguồn kinh phí đầu tư
trên địa bàn thuộc các Chương trình MTQG



Kính gửi: UBND các huyện, thị xã

Thực hiện Công văn số 61/VPĐP-KHTC&GS ngày 17/01/2020 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc khảo sát nguồn kinh phí đầu tư thuộc các Chương trình MTQG; nhằm khảo sát, đánh giá tác động, hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chương trình MTQG đến cải thiện đời sống người dân nhằm đưa ra các đề xuất, kiến nghị phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách và định mức đầu tư, hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đề nghị các địa phương cung cấp các thông tin cụ thể như sau:

1. Thống kê các dự án/ chương trình trên địa bàn huyện từ năm 2010 đến nay và được phân theo giai đoạn thực hiện.
2. Thống kê kinh phí từ năm 2010 đến 2015 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo các hạng mục dự án trên địa bàn huyện.
3. Thống kê kinh phí theo các hạng mục dự án trên địa bàn huyện từ nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững từ năm 2016 đến 2019.

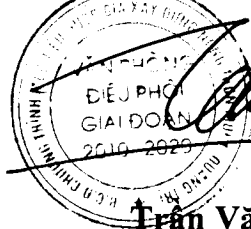
(Theo các biểu và hướng dẫn gửi kèm theo)

Để kết quả khảo sát, đánh giá đạt chất lượng, hiệu quả cao phục vụ cho công tác đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đề nghị các địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện, văn bản của các đơn vị xin gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh trước ngày 15/02/2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh VP, Phó Chánh VP;
- Lưu: VT, NV.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Văn Thu

**HƯỚNG DẪN CÁCH ĐIỀN PHIẾU KHẢO SÁT NGUỒN KINH PHÍ
ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG**
*(Kèm theo Công văn số 23/VPĐP-NV ngày 04/02/2020 của Văn phòng Điều
phối nông thôn mới tỉnh)*

1. Điền Mục 1. Tình hình thực hiện các dự án/ chương trình trên địa bàn huyện từ năm 2010.

- Bảng này yêu cầu thống kê các dự án/ chương trình trên địa bàn huyện từ năm 2010 đến nay và được phân theo giai đoạn thực hiện (câu 7), thống kê nguồn kinh phí (câu 8) như Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương, Nguồn xã hội hóa và Nguồn khác và có thuộc chương trình MTQG hay không (câu 9).

2. Điền Mục 3a. Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia

- Bảng này yêu cầu thống kê tổng kinh phí từ năm 2010 đến 2015 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo các hạng mục dự án như xây dựng cơ sở hạ tầng đến cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường...

- Đòi hỏi sự tổng hợp từ các dự án khác nhau trong 1 năm

- Yêu cầu của bảng này là tổng số từ các nguồn sẽ phải bằng tổng kinh phí của năm.

- Đơn vị tính trong bảng này là Triệu đồng.

3. Điền Mục 3b và 3c

- Các bảng này có cấu trúc tương tự như bảng 3a nhưng có bổ xung thêm phần kinh phí của Chương trình Nông thôn mới và Chương trình Giảm nghèo bền vững vào các năm từ năm 2016 đến 2019.

- Các yêu cầu cũng tương tự như điền bảng 3a.

- Đơn vị tính của các bảng này là Triệu đồng.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các quý cơ quan!

Mục 1: Tình hình thực hiện các dự án/ chương trình trên địa bàn tỉnh từ năm 2010

STT	Loại dự án/ chương trình	6. Trên địa bàn các xã đã và đang thực hiện các dự án nào không?		7. Các dự án này thực hiện ở giai đoạn nào?		8. Nếu hai nguồn ngân sách chính để thực hiện dự án?		9. Dự án này có nằm trong các chương trình mục tiêu quốc gia không?
		Nếu có ghi..... 1	Nếu không ghi..... 2	Nếu có ghi..... 1	Nếu không ghi..... 2	Nếu có ghi..... 1	Nếu không ghi..... 2	
		Nếu không ghi..... 2	Nếu không ghi..... 2	Nếu không ghi..... 2	Nếu không ghi..... 2	Nếu không ghi..... 2	Nếu không ghi..... 2	
		Không biết ghi..... 9	Không biết ghi..... 9	Không biết ghi..... 9	Không biết ghi..... 9	Không biết ghi..... 9	Không biết ghi..... 9	Không biết ghi..... 9
				7a. Giai đoạn 2010-2015	7b. Giai đoạn 2016-2020	8a. Thứ nhất	8b. Thứ hai	
1	Đường quốc lộ							
2	Đường tỉnh lộ							
3	Cầu							
4	Mở rộng thủy lợi							
5	Kênh tưới tiêu							
6	Điện							
7	Nước uống							
8	Xử lý rác thải							
9	Trung tâm y tế							
10	Trường học							
11	Trường mầm non							
12	Chuyển đổi / mở rộng đất ở							
13	Khai hoang đất							
14	Trồng rừng							
15	Chương trình giáo dục và y tế phi cơ sở hạ tầng							
16	Dạy nghề cho lao động nông thôn							
17	Hỗ trợ sản xuất							
18	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại..)							
19	Cơ sở vật chất văn hóa							
20	Khác (ghi rõ.....)							

Mục 2: Tổng kinh phí đầu tư trên địa bàn tỉnh phân theo nguồn

Năm	Tổng kinh phí đầu tư hàng năm (triệu đồng)	Tổng kinh phí phân theo nguồn (triệu đồng)			
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách Địa phương	Xã hội hoá (doanh nghiệp, người dân đóng góp,...)	Nguồn khác
2010					
2011					
2012					
2013					
2014					
2015					
Tổng: 2010 - 2015					
2016					
2017					
2018					
2019					
Tổng: 2016 - 2019					

Mục 3a: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	Dạy nghề cho lao động nông thôn						
3	Nâng cao đời sống văn hóa của người dân (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	Hỗ trợ sản xuất						
5	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình						
6	Quản lý						
7	Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"						

Mục 3b: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2016			Năm 2017		
		Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững	Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	Dạy nghề cho lao động nông thôn						
3	Nâng cao đời sống văn hóa của người dân (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	Hỗ trợ sản xuất						
5	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình						
6	Quản lý						
7	Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"						

Mục 3c: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	2018			2019		
		Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững	Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	Dạy nghề cho lao động nông thôn						
3	Nâng cao đời sống văn hóa của người dân (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	Hỗ trợ sản xuất						
5	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình						
6	Quản lý						
7	Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"						